TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **04A**/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 14 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu:

1. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04 (tổ 23 cũ), phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 175, đường Q, tổ 23, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1967;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04 (tổ 23 cũ), phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Bản M, xã E, huyện E, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 11 tháng 01 năm 1990. Do không còn giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên ông bà đăng ký lại vào ngày 02 tháng 06 năm 2010. Theo giấy chứng nhận kết hôn được cấp lại thể hiện quan hệ hôn nhân của bà C và ông N được công nhận kể từ ngày 11 tháng 02 năm 1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm trên. Sau kết hôn ông, bà sinh sống tại tổ 04 (tổ 23 cũ), phường B, thành phố

Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn và được hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 3 năm 2013 ông bà sống ly thân, từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay, ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà C và ông N thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu của bà C và ông N là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N có ba con chung là Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1991; Nguyễn Bùi Như N1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1998 và Nguyễn Bùi Ngọc L, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2007. Ly hôn, ông bà thỏa thuận: Con G và con N1 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, tự lập về kinh tế nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà C trực tiếp nuôi dưỡng con L, ông N tự nguyện cấp dưỡng cho con L số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 tháng 2022 đến khi con L đủ 18 tuổi. Con L có nguyện vọng được ở với bà C. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà C và ông N về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N chấp nhận nộp lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, do UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình cấp lại ngày 02 tháng 6 năm 2010 không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bùi Ngọc L, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2007, ông Nguyễn Hữu N tự nguyện cấp dưỡng cho con L số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng,

thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 tháng 2022 đến khi con L đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Nguyễn Hữu N và bà Bùi Thị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Hữu N mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà C và ông N đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000466 ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
Nguyễn Thị Hân
(đã ký)